SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Tin học

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	090360	NGUYỄN ĐỒNG ĐỨC AN	Nam	11/09/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
2	090361	HOÀNG ĐỨC ANH	Nam	08/04/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
3	090362	NGUYỄN NGỌC ANH	Nam	20/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
4	090363	SÁI THỊ LAN ANH	Nữ	22/03/2001	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
5	090364	TRẦN THỊ MAI ANH	Nữ	04/09/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
6	090365	NGÔ THỊ MINH ANH	Nữ	13/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
7	090366	DƯƠNG THỊ VÂN ANH	Nữ	19/07/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
8	090367	TRẦN TIẾN ANH	Nam	30/06/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
9	090368	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	08/05/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
10	090369	NGUYỄN ĐÌNH BÁ	Nam	03/02/2001	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
11	090370	LƯƠNG THÚY BÌNH	Nữ	13/04/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
12	090371	NGUYỄN LINH CHI	Nữ	25/11/2001	Hà Nội	9.25	9.50	9.44	Giỏi
13	090372	TRƯƠNG NGỌC CHIẾN	Nam	12/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
14	090373	NGUYỄN QUANG DUY	Nam	29/05/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
15	090374	TRỊNH VĂN DUY	Nam	10/06/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
16	090375	ĐẶNG THẢO DUYÊN	Nữ	18/07/2001	Hà Nội	7.25	9.00	8.56	Khá
17	090376	HOÀNG LÊ ANH DŨNG	Nam	05/09/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
18	090377	LÊ TẤN DŨNG	Nam	03/05/2001	Hà Giang	8.00	9.00	8.75	Khá
19	090378	TRƯƠNG TẤN DŨNG	Nam	08/08/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
20	090379	LÊ BẠCH DƯƠNG	Nữ	30/12/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
21	090380	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	Nữ	28/09/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
22	090381	NGUYỄN MINH ĐẠT	Nam	03/06/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
23	090382	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	Nam	21/02/2001	Phú Thọ	9.00	10.00	9.75	Giỏi
24	090383	PHẠM TIẾN ĐỨC	Nam	01/10/2001	Thái Nguyên	8.50	10.00	9.63	Giỏi
25	090384	LÊ TRÍ ĐỨC	Nam	20/03/2001	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
26	090385	NGUYỄN VĂN HAI	Nam	15/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
27	090386	LÊ QUANG HÀ	Nam	16/08/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
28	090387	NGUYỄN THỊ HẰNG	Nữ	30/07/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
29	090388	ĐỖ THỊ THU HẰNG	Nữ	11/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
30	090389	NGUYỄN THẢO HIỀN	Nữ	01/04/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
31	090390	PHAN THẢO HIỀN	Nữ	23/11/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
32	090391	NGUYỄN MẠNH HIẾU	Nam	27/02/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Tin học

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
33	090392	TRỊNH THỊ HOÀI	Nữ	25/12/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
34	090393	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	08/01/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
35	090394	TRẦN QUANG HUY	Nam	15/05/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
36	090395	PHẠM VĂN HUY	Nam	04/05/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
37	090396	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	03/09/2001	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
38	090397	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	16/12/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
39	090398	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	28/03/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
40	090399	ĐẶNG NGỌC HÙNG	Nam	25/09/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
41	090400	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	15/12/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
42	090401	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	02/01/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
43	090402	NGUYỄN ĐỨC LÂM	Nam	17/09/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
44	090403	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nữ	24/08/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
45	090404	PHẠM HOÀNG LÂN	Nam	16/04/2001	Hải Phòng	8.50	10.00	9.63	Giỏi
46	090405	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	09/07/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
47	090406	HOÀNG KIỀU LINH	Nữ	18/12/2001	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
48	090407	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	19/05/2001	Thái Nguyên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
49	090408	PHẠM THÙY LINH	Nữ	10/02/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
50	090409	VŨ THỊ LƯƠNG	Nữ	13/10/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
51	090410	NGUYỄN THẢO LY	Nữ	01/02/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
52	090411	LÊ NGỌC MAI	Nữ	27/03/2001	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
53	090412	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	26/03/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
54	090413	NGUYỄN THANH MAI	Nữ	26/03/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
55	090414	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	19/10/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
56	090415	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG N	Nữ	22/02/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
57	090416	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	Nam	19/06/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
58	090417	BÙI THỊ NGỌC	Nữ	18/04/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
59	090418	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHU	Nữ	18/11/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
60	090419	LƯƠNG ĐÌNH PHÙNG	Nam	13/06/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
61	090420	CAO HÀ PHƯƠNG	Nữ	12/05/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
62	090421	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	18/07/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
63	090422	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH	Nam	26/09/2001	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
64	090423	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	14/08/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Tin học

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	090424	CHU VĂN SƠN	Nam	21/07/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
66	090425	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	26/04/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
67	090426	NGUYỄN THẾ TÀI	Nam	29/07/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
68	090427	ĐỖ ĐỨC TÂN	Nam	12/01/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
69	090428	NGUYỄN HUY TÂN	Nam	05/02/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
70	090429	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T	Nữ	15/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
71	090430	NGUYỄN QUÝ THÀNH	Nữ	19/05/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
72	090431	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/08/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
73	090432	NGUYỄN VĂN THÁI	Nam	16/04/2001	Hà Nội	6.25	10.00	9.06	Giỏi
74	090433	NGÔ THỊ HỒNG THẮM	Nữ	05/03/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
75	090434	TRẦN THỊ THỦY	Nữ	24/01/2001	Hà Nội	7.75	10.00	9.44	Giỏi
76	090435	NGUYỄN THỊ TOÀN	Nữ	10/06/2001	Hà Nội	7.75	10.00	9.44	Giỏi
77	090436	ĐỖ THỊ HÀ TRANG	Nữ	26/04/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
78	090437	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	07/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
79	090438	PHẠM THU TRANG	Nữ	18/12/2001	Hà Nội	6.50	9.00	8.38	Khá
80	090439	TRẦN MINH TRÍ	Nam	07/01/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
81	090440	LƯƠNG NHƯ TRUNG	Nam	08/09/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
82	090441	HỨA ANH TUẤN	Nam	27/05/2001	Hà Nội	7.25	9.50	8.94	Khá
83	090442	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	03/12/2001	Hà Nội	7.25	10.00	9.31	Giỏi
84	090443	NGUYỄN ĐỖ DUY TÙNG	Nam	01/02/2001	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
85	090444	NGUYỄN MINH TÙNG	Nam	05/06/2001	Hà Nội	7.25	9.00	8.56	Khá
86	090445	NGUYỄN THỊ ÚT	Nữ	08/05/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
87	090446	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	Nữ	08/07/2001	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
88	090447	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	24/04/2001	Hà Nội	7.75	9.00	8.69	Khá
89	090448	LÊ VĂN VƯỢNG	Nam	03/09/2001	Hà Nội	6.75	9.00	8.44	Khá
90	090449	BÙI VĂN XUÂN	Nam	26/11/2001	Hà Nội	7.75	9.50	9.06	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Tin học

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: **90 hs./.**

Ngày 16 tháng 9 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HĐ THI

PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nghiêm Văn Bình

PGĐ: Phạm Văn Đại

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	094397	DƯƠNG HOÀNG AN	Nam	24/08/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
2	094398	TRẦN DUY ANH	Nam	23/01/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
3	094399	BÙI HẢI ANH	Nam	09/09/2001	Thái Bình	8.00	9.50	9.13	Giỏi
4	094400	HOÀNG HUỆ ANH	Nữ	14/12/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
5	094401	ĐÀM KỲ ANH	Nam	18/09/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
6	094402	VŨ MAI ANH	Nữ	24/02/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
7	094403	TRẦN PHAN ANH	Nữ	02/06/2001	Hà Tây	8.00	10.00	9.50	Giỏi
8	094404	VƯƠNG QUỐC ANH	Nam	01/06/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
9	094405	TRỊNH QUỲNH ANH	Nữ	20/02/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
10	094406	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	22/11/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
11	094407	ĐÀM THỊ ANH	Nữ	17/03/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
12	094408	TẠ THỊ ANH	Nữ	11/10/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
13	094409	ĐỒNG THỊ KIM ANH	Nữ	24/11/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
14	094410	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	08/02/2001	Thái Nguyên	8.00	10.00	9.50	Giỏi
15	094411	NGUYỄN THỊ LAN ANH	Nữ	08/09/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
16	094412	ĐINH THỊ MAI ANH	Nữ	27/03/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
17	094413	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Nữ	16/08/2001	Thái Nguyên	7.50	9.00	8.63	Khá
18	094414	TRƯƠNG THỊ MAI ANH	Nữ	06/09/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
19	094415	CHU THỊ VÂN ANH	Nữ	05/01/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
20	094416	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	19/09/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
21	094417	NGUYỄN TIẾN ANH	Nam	01/02/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
22	094418	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	10/05/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
23	094419	VŨ TUẤN ANH	Nam	17/11/2000	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
24	094420	NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	05/11/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
25	094421	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	06/07/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
26	094422	LÊ NGỌC ÁNH	Nam	11/03/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
27	094423	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	24/02/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
28	094424	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	08/03/2001	Hà Nội	7.50	8.50	8.25	Khá
29	094425	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	26/11/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
30	094426	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	06/10/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
31	094427	NGUYỄN THỊ NHẬT ÁNH	Nữ	13/04/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
32	094428	BÙI ĐÌNH ÂN	Nam	06/04/2001	Hà Nội	6.75	8.50	8.06	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
33	094429	TRẦN ANH BẢO	Nam	17/02/2001	Hà Nội	7.50	8.50	8.25	Khá
34	094430	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	08/03/2001	Hưng Yên	8.00	9.00	8.75	Khá
35	094431	TRẦN THỊ MINH CHÀ	Nữ	02/05/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
36	094432	ĐÀO DUY CHIẾN	Nam	10/07/2001	Hà Nội	7.50	8.50	8.25	Khá
37	094433	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	Nam	12/11/2001	Hà Nội	7.50	8.50	8.25	Khá
38	094434	DƯƠNG TUẤN CÔNG	Nam	25/02/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
39	094435	BÙI XUÂN CÔNG	Nam	07/10/2001	Hà Nội	7.50	8.00	7.88	Khá
40	094436	ĐỖ VĂN CƯỜNG	Nam	02/04/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
41	094437	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	Nam	06/10/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
42	094438	ĐÀM THỊ DINH	Nữ	13/08/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
43	094439	ĐỒNG THỊ THÙY DUNG	Nữ	29/09/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
44	094440	LÊ ĐỨC DUY	Nam	16/04/2001	Hà Nội	7.50	7.50	7.50	Khá
45	094441	LÊ THANH DUYÊN	Nữ	28/02/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
46	094442	TRƯƠNG THỊ DUYÊN	Nữ	13/07/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
47	094443	HOÀNG TRỌNG DŨNG	Nam	09/04/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
48	094444	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	Nam	05/06/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
49	094445	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	05/10/2001	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
50	094446	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	05/12/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
51	094447	ĐỖ HẢI ĐĂNG	Nam	05/11/2001	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
52	094448	NGUYỄN HỒNG ĐÔNG	Nam	16/01/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
53	094449	KHỔNG QUANG ĐỨC	Nam	25/01/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
54	094450	TRẦN TRUNG ĐỨC	Nam	17/07/2001	Hà Nội	-1.00	-1.00	0.00	
55	094451	VŨ VĂN ĐỨC	Nam	08/12/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
56	094452	NGUYỄN THỊ HAY	Nữ	21/01/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
57	094453	TRƯƠNG CÔNG HÀ	Nam	01/10/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
58	094454	ĐÀM THỊ HÀ	Nữ	24/01/2001	Đắk Lắk	8.00	10.00	9.50	Giỏi
59	094455	TRƯƠNG THỊ HÀ	Nữ	12/09/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
60	094456	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	Nữ	07/10/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
61	094457	ĐÀO THỊ THU HÀ	Nữ	30/12/2001	Hưng Yên	8.50	10.00	9.63	Giỏi
62	094458	ĐẶNG THỊ THU HÀ	Nữ	16/06/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
63	094459	NGÔ THỊ THU HÀ	Nữ	22/11/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
64	094460	TRỊNH THỊ THU HÀ	Nữ	18/03/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	094461	ĐÀM ĐÌNH HÀO	Nam	25/01/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
66	094462	NGUYỄN VIẾT HẢI	Nam	01/01/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
67	094463	HỒ THỊ HẠNH	Nữ	07/08/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
68	094464	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	13/08/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
69	094465	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	16/08/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
70	094466	LƯƠNG THỊ HẠNH	Nữ	26/12/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
71	094467	NGÔ THỊ HẠNH	Nữ	19/04/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
72	094468	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	28/06/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
73	094469	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠN	Nữ	06/10/2001	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
74	094470	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	20/10/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
75	094471	DƯƠNG THỊ THU HẰNG	Nữ	12/10/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
76	094472	ĐẶNG THÚY HẰNG	Nữ	23/02/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
77	094473	LÊ THỊ HẬU	Nữ	21/12/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
78	094474	PHẠM THANH HIỀN	Nữ	03/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
79	094475	ĐỖ THỊ HIỀN	Nữ	13/11/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
80	094476	KHỔNG THỊ HIỀN	Nữ	24/05/2001	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
81	094477	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	03/01/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
82	094478	ĐINH THỊ THU HIỀN	Nữ	16/07/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
83	094479	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	26/05/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
84	094480	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	01/01/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
85	094481	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	14/03/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
86	094482	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	06/11/2001	Tuyên Quang	10.00	9.00	9.25	Giỏi
87	094483	LÊ DUY HIỂN	Nam	16/09/2001	Hà Nội	7.50	7.50	7.50	Khá
88	094484	NGUYỄN TRẦN TRUNG H	Nam	10/11/2001	Hà Nội	9.50	8.00	8.38	Khá
89	094485	KHỔNG VĂN HIẾU	Nam	09/02/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
90	094486	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	06/03/2001	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
91	094487	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	10/01/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
92	094488	NGUYỄN VĂN TRUNG HI	Nam	18/09/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
93	094489	NGUYỄN HUY HIỆP	Nam	09/06/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
94	094490	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	09/09/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
95	094491	ĐỖ THỊ HOA	Nữ	09/08/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
96	094492	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	03/02/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
97	094493	ĐỖ THỊ PHƯƠNG HOA	Nữ	21/01/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
98	094494	NGUYỄN THỊ HOAN	Nữ	02/10/2001	Hà Nội	6.50	10.00	9.13	Giỏi
99	094495	TẠ THỊ HOÀI	Nữ	23/02/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
100	094496	TỐNG ĐẠI HOÀNG	Nam	30/12/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
101	094497	NGUYỄN THẾ HOÀNG	Nam	07/09/2001	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
102	094498	BÙI THỊ HỒNG	Nữ	21/10/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
103	094499	HOÀNG THỊ HỒNG	Nữ	01/09/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
104	094500	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	06/04/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
105	094501	LƯU THỊ THU HỒNG	Nữ	25/10/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
106	094502	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	Nữ	15/03/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
107	094503	ĐÀO VĂN HUÂN	Nam	25/05/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
108	094504	LÊ VĂN HUÂN	Nam	27/08/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
109	094505	ĐÀO LAN HUỆ	Nữ	03/08/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
110	094506	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	Nữ	20/12/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
111	094507	ĐỖ QUANG HUY	Nam	18/12/2001	Hà Nội	6.50	9.00	8.38	Khá
112	094508	NGÔ QUANG HUY	Nam	31/07/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
113	094509	PHẠM AN KHÁNH HUYỀ	Nữ	20/12/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
114	094510	NGUYỄN THU HUYỀN	Nữ	07/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
115	094511	LƯU QUỐC HUYNH	Nam	04/10/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
116	094512	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	28/09/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
117	094513	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	21/12/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
118	094514	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	15/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
119	094515	DƯƠNG VIỆT HÙNG	Nam	31/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
120	094516	TRỊNH HỮU HƯNG	Nam	07/01/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
121	094517	NGUYỄN VĂN HƯNG	Nam	06/08/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
122	094518	LƯU THỊ HƯƠNG	Nữ	04/05/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
123	094519	LƯƠNG THỊ THU HƯƠNG	Nữ	17/09/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
124	094520	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	09/05/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
125	094521	HÀN THỊ THU HƯỜNG	Nữ	28/04/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
126	094522	VŨ BÁ HƯỚNG	Nam	30/06/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
127	094523	HOÀNG THỊ KHA	Nữ	07/03/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
128	094524	LƯƠNG BÁ KHẢI	Nam	15/08/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
129	094525	NGUYỄN QUANG KHẢI	Nam	03/04/2001	Hà Nam	8.50	9.00	8.88	Khá
130	094526	NGUYỄN VĂN KHẢI	Nam	09/10/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
131	094527	PHẠM DƯƠNG KHÁNH	Nam	22/03/2001	Hà Nội	7.00	8.00	7.75	Khá
132	094528	HOÀNG QUỐC KHÁNH	Nam	04/09/2001	Hà Nội	10.00	7.50	8.13	Khá
133	094529	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	Nam	04/07/2001	Hà Nội	8.50	7.50	7.75	Khá
134	094530	TRỊNH HỒNG KHOA	Nam	14/10/2001	Hà Nội	8.50	7.50	7.75	Khá
135	094531	NGUYỄN VĂN KHÔI	Nam	28/03/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá
136	094532	NGÔ THỊ MINH KHUÊ	Nữ	14/06/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
137	094533	NGUYỄN THỊ LAN	Nữ	15/08/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
138	094534	NGUYỄN VĂN LÂM	Nam	17/10/2001	Hà Nội	9.00	7.00	7.50	Khá
139	094535	NGUYỄN THỊ HOÀI LÊ	Nữ	22/04/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
140	094536	TRẦN YẾN LÊ	Nữ	17/10/2001	Hà Nội	9.50	8.00	8.38	Khá
141	094537	HOÀNG NHẬT LỆ	Nữ	26/07/2001	Hà Nội	9.50	8.00	8.38	Khá
142	094538	HOÀNG THỊ LỆ	Nữ	01/02/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
143	094539	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	07/05/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
144	094540	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Nữ	18/08/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
145	094541	NGUYỄN THỊ LIỄU	Nữ	05/04/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá
146	094542	HOÀNG KHÁNH LINH	Nữ	14/09/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
147	094543	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	20/03/2001	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
148	094544	NGUYỄN QUYỀN LINH	Nam	26/02/2001	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
149	094545	ĐÀO THỊ LINH	Nữ	15/11/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
150	094546	ĐỖ THỊ DIỆU LINH	Nữ	08/02/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
151	094547	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	Nữ	23/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
152	094548	NGUYỄN THỊ HUYỀN LIN	Nữ	03/04/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
153	094549	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	08/05/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
154	094550	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	24/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
155	094551	PHẠM THUỲ LINH	Nữ	18/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
156	094552	HOÀNG THÙY LINH	Nữ	06/10/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
157	094553	PHẠM THỊ LỊCH	Nữ	06/10/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
158	094554	ĐỖ PHƯƠNG LOAN	Nữ	21/10/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
159	094555	ĐÀM THỊ LOAN	Nữ	16/09/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
160	094556	TẠ QUỐC LONG	Nam	05/02/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
161	094557	NGUYỄN THÀNH LONG	Nam	19/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
162	094558	NGUYỄN THỊ LƠ	Nữ	24/08/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
163	094559	NGUYỄN ĐỨC LUÂN	Nam	29/11/2000	Hà Nội	9.50	8.50	8.75	Khá
164	094560	ĐINH XUÂN LƯƠNG	Nam	23/11/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
165	094561	LÊ KHÁNH LY	Nữ	16/09/2001	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
166	094562	NGUYỄN THẢO LY	Nữ	18/01/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
167	094563	NGUYỄN HOA MAI	Nữ	09/04/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
168	094564	HOÀNG PHƯƠNG MAI	Nữ	18/10/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá
169	094565	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	31/10/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
170	094566	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	06/12/2000	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
171	094567	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	10/02/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
172	094568	VŨ THỊ QUỲNH MAI	Nữ	01/06/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
173	094569	NGUYỄN THẾ MẠNH	Nam	26/01/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
174	094570	NGUYỄN VĂN MẠNH	Nam	21/11/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
175	094571	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	Nữ	04/06/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
176	094572	NGUYỄN GIA MINH	Nam	12/02/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
177	094573	PHÙNG QUÉ MINH	Nam	31/03/2001	Hà Nội	8.00	7.00	7.25	Khá
178	094574	ĐÀM THỊ MINH	Nữ	02/12/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
179	094575	NGÔ THÙY MINH	Nữ	26/12/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá
180	094576	ĐỖ VĂN MINH	Nam	28/01/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
181	094577	TRẦN THỊ HÀ MY	Nữ	02/10/2001	Thái Nguyên	8.00	8.50	8.38	Khá
182	094578	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	09/09/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
183	094579	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	29/12/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
184	094580	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	02/07/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá
185	094581	CAO VIỆT MỸ	Nữ	13/05/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
186	094582	ĐẶNG ĐÌNH TÙNG NAM	Nam	18/07/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
187	094583	ĐỒNG HOÀI NAM	Nam	24/11/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
188	094584	PHAN HOÀI NAM	Nam	19/05/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
189	094585	ĐÀM VĂN NAM	Nam	26/06/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
190	094586	NGUYỄN XUÂN NAM	Nam	22/12/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
191	094587	VƯƠNG XUÂN NAM	Nam	06/06/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
192	094588	ĐỖ THỊ NGA	Nữ	22/06/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
193	094589	NGUYỄN THỊ NGA	Nữ	18/09/2001	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
194	094590	LÝ THỊ MAI NGA	Nữ	17/07/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
195	094591	VŨ THÚY NGA	Nữ	18/09/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
196	094592	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁ	Nữ	07/02/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
197	094593	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	29/03/2001	Thái Nguyên	8.00	9.00	8.75	Khá
198	094594	NGÔ THÙY NGÂN	Nữ	04/05/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
199	094595	NGUYỄN THÙY NGÂN	Nữ	25/08/2001	Hà Nội	6.50	10.00	9.13	Giỏi
200	094596	NGUYỄN DƯƠNG TRỌNG	Nam	10/12/2001	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
201	094597	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	04/10/2001	Hà Nội	7.00	9.00	8.50	Khá
202	094598	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	10/01/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
203	094599	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	23/12/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
204	094600	NGUYỄN THỊ NGỌC	Nữ	17/10/2001	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
205	094601	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	16/07/2001	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
206	094602	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	Nữ	17/10/2001	Hà Nội	6.50	9.50	8.75	Khá
207	094603	TRỊNH HÀ NGUYÊN	Nam	08/08/2001	Thái Nguyên	7.00	9.50	8.88	Khá
208	094604	PHAN THỊ KIM NGUYỆT	Nữ	24/08/2001	Hà Nội	5.50	10.00	8.88	Khá
209	094605	NGUYỄN THỊ MINH NGU	Nữ	15/03/2001	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
210	094606	TỪ THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	12/10/2001	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
211	094607	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	20/04/2001	Hà Nội	7.50	9.50	9.00	Giỏi
212	094608	TÔN BÍCH NHUNG	Nữ	12/12/2001	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
213	094609	LƯU THỊ NHUNG	Nữ	22/03/2001	Thái Nguyên	7.50	10.00	9.38	Giỏi
214	094610	ĐINH QUANG NINH	Nam	27/10/2001	Hà Nội	7.50	9.00	8.63	Khá
215	094611	ĐẶNG THỊ TRANG NINH	Nữ	01/07/2001	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
216	094612	TRƯƠNG THỊ OANH	Nữ	26/06/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
217	094613	NGUYỄN TUẤN PHONG	Nam	02/03/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
218	094614	TRẦN HIỀN PHƯƠNG	Nữ	27/06/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
219	094615	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	24/10/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
220	094616	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	18/03/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
221	094617	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	05/05/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
222	094618	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG	Nữ	23/08/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
223	094619	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	29/04/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá
224	094620	LƯU THỊ THÚY PHƯỢNG	Nữ	06/11/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
225	094621	TẠ MINH PHÚ	Nam	27/07/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá
226	094622	TRỊNH MINH QUANG	Nam	02/01/1999	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
227	094623	VŨ NGỌC QUANG	Nam	07/09/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
228	094624	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	25/08/2001	Hà Nội	8.00	7.50	7.63	Khá
229	094625	LƯU THỊ QUYÊN	Nữ	17/03/2001	Hà Nội	7.50	8.00	7.88	Khá
230	094626	NGUYỄN XUÂN QUYỀN	Nam	30/03/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
231	094627	NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH	Nữ	02/08/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá
232	094628	TRẦN PHƯƠNG QUỲNH	Nữ	15/07/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá
233	094629	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲN	Nữ	07/04/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
234	094630	LƯƠNG HỮU QUÝ	Nam	27/05/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
235	094631	NGUYỄN ĐÌNH SANG	Nam	31/05/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
236	094632	NGUYỄN THỊ SEN	Nữ	29/07/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
237	094633	NGUYỄN ANH SƠN	Nam	17/06/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
238	094634	TRẦN ĐỨC SƠN	Nam	19/11/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
239	094635	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	24/10/2001	Hà Nội	7.00	8.00	7.75	Khá
240	094636	LÊ VĂN SƠN	Nam	02/02/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
241	094637	ĐỖ VĂN SỸ	Nam	07/02/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
242	094638	NGUYỄN CHÍ TÀI	Nam	18/03/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
243	094639	ĐÀM KHẮC TÀI	Nam	24/10/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
244	094640	NGUYỄN THANH TÂM	Nam	24/01/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
245	094641	DƯƠNG THỊ THANH TÂM	Nữ	04/01/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
246	094642	NGUYỄN PHƯƠNG THAN	Nữ	09/06/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
247	094643	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	05/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
248	094644	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	14/01/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
249	094645	LÊ THỊ THANH THANH	Nữ	15/11/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
250	094646	NGUYỄN THỊ THU THAN	Nữ	05/08/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
251	094647	TRƯƠNG CÔNG THÀNH	Nam	06/08/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
252	094648	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Nam	02/01/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
253	094649	VƯƠNG ĐÌNH CHÍ THÀNH	Nam	18/03/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
254	094650	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	18/04/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
255	094651	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/07/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
256	094652	PHẠM THỊ THẢO	Nữ	08/11/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
257	094653	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T	Nữ	09/06/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
258	094654	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG T	Nữ	28/11/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
259	094655	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢ	Nữ	28/09/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
260	094656	TRỊNH THỊ THU THẢO	Nữ	17/07/2001	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
261	094657	LƯU VĂN THÁI	Nam	28/08/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
262	094658	NGUYỄN THỊ THẮM	Nữ	16/03/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
263	094659	ĐINH CÔNG THẮNG	Nam	01/03/2001	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
264	094660	NGÔ DUY THẮNG	Nam	20/01/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
265	094661	TỪ MINH THẮNG	Nam	11/09/2001	Hà Nội	8.00	7.50	7.63	Khá
266	094662	ĐỖ VĂN THẮNG	Nam	06/08/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
267	094663	NGÔ THỊ THẬT	Nữ	21/11/2001	Hà Nội	6.50	8.50	8.00	Khá
268	094664	ĐỖ NGỌC THẾ	Nam	21/03/2001	Thái Nguyên	8.00	9.00	8.75	Khá
269	094665	NGUYỄN DƯƠNG THỊNH	Nam	02/02/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
270	094666	LẠI VI THỌ	Nam	08/04/2001	Hà Nội	8.50	7.50	7.75	Khá
271	094667	NGÔ THỊ THƠM	Nữ	02/01/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
272	094668	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	04/11/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
273	094669	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	16/08/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
274	094670	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	23/08/2001	Hà Nội	9.00	8.50	8.63	Khá
275	094671	NGUYỄN THỊ MAI THỦY	Nữ	20/03/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
276	094672	PHẠM THỊ THANH THỦY	Nữ	15/10/2001	Nam Định	9.00	9.00	9.00	Giỏi
277	094673	ĐỖ THỊ THƯ	Nữ	14/01/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
278	094674	NGUYỄN THỊ THƯỜNG	Nữ	26/09/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
279	094675	VŨ THỊ THÚY	Nữ	24/01/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
280	094676	ĐÀM THỊ THU THÚY	Nữ	16/07/2001	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
281	094677	ĐÀM ÍCH TIẾN	Nam	06/02/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá
282	094678	TRẦN ANH TOÀN	Nam	12/08/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
283	094679	ĐỖ THỊ TRANG	Nữ	28/05/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
284	094680	VƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	16/07/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
285	094681	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/12/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
286	094682	NGUYỄN THỊ HUYỀN TR	Nữ	23/08/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
287	094683	NGUYỄN THỊ THU TRAN	Nữ	27/09/2001	Hà Nội	8.50	8.50	8.50	Khá
288	094684	NGUYỄN THỊ THÙY TRA	Nữ	23/06/2001	Hà Nội	8.50	8.00	8.13	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
289	094685	BÙI THU TRANG	Nữ	29/06/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
290	094686	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	10/04/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
291	094687	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	05/05/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
292	094688	NGÔ QUANG TUẤN	Nam	07/01/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
293	094689	VƯƠNG XUÂN TUẤN	Nam	17/04/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
294	094690	NGUYỄN THANH TUYỀN	Nữ	03/03/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
295	094691	ĐỖ TRUNG TUYẾN	Nam	08/09/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
296	094692	ĐẶNG ÁNH TUYẾT	Nữ	21/05/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
297	094693	TRẦN THỊ TUYẾT	Nữ	03/12/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
298	094694	CHU THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	06/05/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
299	094695	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	27/01/2001	Thái Nguyên	8.50	9.50	9.25	Giỏi
300	094696	DƯƠNG QUANG TÙNG	Nam	13/03/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
301	094697	LÊ THANH TÙNG	Nữ	26/11/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
302	094698	NGÔ VĂN TƯỞNG	Nam	07/08/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
303	094699	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	05/01/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
304	094700	LÊ THANH TÚ	Nữ	21/02/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
305	094701	ĐINH THU UYÊN	Nữ	04/02/2001	Hà Nội	8.00	9.00	8.75	Khá
306	094702	BÙI THỊ VÂN	Nữ	22/11/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
307	094703	ĐỖ THỊ VÂN	Nữ	12/01/2001	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
308	094704	NGUYỄN THỊ THANH VÂ	Nữ	27/06/2001	Hà Nội	8.50	9.50	9.25	Giỏi
309	094705	TRẦN THỊ THANH VÂN	Nữ	23/12/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
310	094706	HOÀNG THỊ THU VÂN	Nữ	23/02/2001	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
311	094707	NGUYỄN THU VÂN	Nữ	08/07/2001	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
312	094708	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	Nam	09/10/2001	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
313	094709	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	08/05/2001	Hà Nội	8.75	9.00	8.94	Khá
314	094710	TRẦN VĂN VIỆT	Nam	15/03/2001	Hà Nội	8.00	8.50	8.38	Khá
315	094711	HOÀNG ANH VŨ	Nam	02/03/2001	Hà Nội	8.50	9.00	8.88	Khá
316	094712	DƯƠNG THỊ VY	Nữ	19/06/2001	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
317	094713	PHẠM THỊ XUÂN	Nữ	15/08/2001	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
318	094714	NGÔ HẢI YẾN	Nữ	24/06/2001	Hà Nội	9.50	9.50	9.50	Giỏi
319	094715	ĐỖ THỊ HẢI YẾN	Nữ	18/12/2001	Hà Nội	8.00	8.00	8.00	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 09

Sóc Sơn - Mê Linh

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 28/8/2018

Nghề: Làm vườn

Đơn vị: Trường THPT Trung Giã

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: **318 hs./.**

Ngày 16 tháng 9 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HĐ THI

PHÓ CHỦ TỊCH

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nghiêm Văn Bình

PGĐ: Phạm Văn Đại